

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2018

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phúc.

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh– Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2018/TLST–HNGĐ ngày 13/4/2018 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân D, sinh năm 1990.

Trú tại: Số 35 thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Phạm Tuấn A, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa, bà D có mặt, ông A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông A kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đà Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A có nhiều thay đổi tiêu cực, lười lao động. Khi bà khuyên can thì vợ chồng cãi vã, xô xát lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Phạm Tuấn A.

Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung tên Phạm Khánh U, sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu U đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi cháu U cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà và ông A tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Tuấn A trình bày: Vợ chồng ông kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn từ việc nhỏ nhặt trong cuộc sống. Nay bà D xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung tên Phạm Khánh U, sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu U đang sống cùng với bà D. Khi ly hôn ông không tranh chấp về việc nuôi con với bà D nhưng ông cũng không đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà D giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà D (bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu bản chính), 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 01 giấy khai sinh con chung (bản sao), 01 Bản tự khai của bà D (bản chính); Bị đơn ông A giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 Giấy chứng minh nhân dân của ông A (bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu bản chính), 01 bản tự khai (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập được bao gồm: 01 biên bản xác minh ngày 04/7/2018 (bản chính).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông A và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông A được biết. Do ông A vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định

đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D và ông A được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Xin ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân D với bị đơn ông Phạm Tuấn A. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân D và ông Phạm Tuấn A hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đà Loan, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo bà D thời gian đầu hạnh phúc, được thời gian khoảng 01 năm sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông A có nhiều thay đổi tiêu cực trong lối sống và lười lao động. Bà đã động viên nhắc nhở nhưng vợ chồng tranh cãi lẫn nhau và dẫn tới xô xát. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn. Ông A xác định quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng bản thân ông A không có mặt tại buổi hòa giải do vậy hội đồng xét xử xác định ông A không có thiện chí hòa giải những mâu thuẫn của vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà D và ông A, kết quả xác minh cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng bà D, ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp và hòa

giải. Bà D và ông A đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2014. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông A đã trầm trọng, ông bà tự không chung sống với nhau và không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông A theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về con chung: Bà D và ông A có 01 con chung tên là Phạm Khánh U, sinh ngày 26/7/2014. Hiện nay cháu U đang sống với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu nuôi dưỡng cháu U cho đến ngày cháu U thành niên. Ông A không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, cháu U đang có cuộc sống ổn định với bà D. Do đó, để đảm bảo cho cháu U có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển bình thường về mọi mặt nên giao cháu U cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân D, cho bà Nguyễn Thị Xuân D và ông Phạm Tuấn A được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 26/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày cháu Uyên thành niên.

Về cấp dưỡng: Ông Phạm Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0007449 ngày 13/4/2018. Bà D đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Anh Tuấn